

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2020

V/v “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Song.

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Thái H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện CT, tỉnh TV.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện CT, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thái H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CT, tỉnh TV vào ngày 19/8/2004. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống và nhiều vấn đề không đồng thuận, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, lâu dần tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông dọn ra khỏi nhà sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Thái Thị Hoa D, sinh năm 1999 và Thái Thị Thúy D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Thái T1, sinh ngày 25/01/2007, hiện bà T đang nuôi, ông đồng ý giao T1 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung bà thừa nhận đúng như phần trình bày của ông Thái H. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H quen biết và qua lại với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, bà có khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không thay đổi và hiện vẫn còn qua lại bên ngoài nên ông H mới dọn ra sống riêng và đòi ly hôn.

Nay bà không đồng ý ly hôn vì bà thương ông H, ông H muốn đi đâu thì đi, muốn quen ai thì quen bà không cản.

Về con chung: Thái Thị Hoa D, sinh năm 1999 và Thái Thị Thúy D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành, Thái T1, sinh năm 2007 hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, ông H muốn cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu là tùy ông H, bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

* Con chung Thái T1 trình bày tại bản tự khai ngày 24/7/2020: Nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng là được sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà T, con chung Thái T1 ông tôn trọng ý kiến của con muốn theo ai thì theo, tài sản chung và nợ chung không có. Bị đơn bà T và con chung vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của đương sự và biên bản xác minh Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông H ly hôn với bà Thiện. Con chung giao cháu Thái T1, cho ông H được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Án phí ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Thái H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà Nguyễn Thị T, bà T có nơi cư trú tại ấp BT, xã HT, huyện CT, tỉnh TV. Con chung Thái Thị Hoa D, sinh năm 1999 và Thái Thị Thúy D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Thái T1 sinh năm 2007 ông H tôn trọng ý kiến của con nếu theo ông thì ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đưa bị đơn là bà Thiện tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông H có mặt, bà T và con chung vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và con chung.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Thái H và bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998, được Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CT, tỉnh TV cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2004 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống ông H cho rằng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều vấn đề không đồng thuận khác, ông cho rằng bà T không quan tâm ông nên ông đã ra sống riêng từ đầu năm 2018 cho đến nay. Thời gian sống ly thân cả hai bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng theo bà mâu thuẫn không lớn, nguyên nhân do ông H quen biết nhiều người phụ nữ bên ngoài, bà có khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi, nếu ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi Thái T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông H và bà T, được chính quyền địa phương cho biết việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà T chính quyền không rõ chỉ biết ông H cất 01 căn nhà ở riêng.

Xét yêu cầu của ông H yêu cầu được ly hôn với bà T, cũng như quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của ông H và bà T không còn, ly thân hơn 02 năm nên mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không đồng ý ly hôn nhưng bà không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, để ông H quay về sống chung với bà và các con, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Về con chung: Thái Thị Hoa D, sinh năm 1999 và Thái Thị Thúy D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Thái T1, sinh năm 2007 hiện đang sinh sống cùng với bà T. Bà T và ông H đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Thái T1 có nguyện vọng sống chung với ông H. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T1 cho ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Ông H và bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông Thái H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái H.

Về hôn nhân: Ông Thái H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Thái Thị Hoa D, sinh năm 1999 và Thái Thị Thúy D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thái T1, sinh năm 2007 giao cho ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thái H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái H trình bày không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Ông Thái H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009982 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Ông H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban xã, phường nơi đương sự cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hòa Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu;

Trần Bảo Trân

